

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II NĂM HỌC: 2017 - 2018

MÔN: ĐỊA LÍ 8

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1.1 Đông Nam Á là cầu nối giữa

- A. Châu Á – Châu Âu B. Châu Á – Châu Đại Dương
C. Châu Á – Châu Phi D. Châu Á – Châu Mỹ

Câu 2.1 Phần đất liền của Đông Nam Á mang tên

- A. Bán đảo Trung Ấn B. Quần đảo Mã Lai
C. Phần đất liền D. Phần hải đảo

Câu 4.1 Quốc gia nào sau đây **không** có tên gọi là vương quốc?

- A. Việt Nam B. Cam-pu-chia C. Bru-nây D. Thái Lan.

Câu 4.1: Hiện nay các nước trong khu vực Đông Nam Á đang:

- A. Đẩy mạnh sản xuất lương thực B. Đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp
C. Trú trọng phát triển ngành chăn nuôi D. Tiến hành công nghiệp hóa.

Câu 5.2: Điểm nào sau đây **không** đúng với các nước Đông Nam Á?

- A. Nguồn nhân công dồi dào.
B. Tài nguyên thiên nhiên và nguồn nông phẩm nhiệt đới phong phú.
C. Tranh thủ được nguồn vốn và công nghệ của nước ngoài.
D. Chủ yếu nhập nguyên liệu và khoáng sản

Câu 4.1. Hiện nay, buôn bán với các nước trong hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) chiếm

- A. 12,4 % tổng buôn bán quốc tế của nước ta
B. 22,4 % tổng buôn bán quốc tế của nước ta
C. 32,4 % tổng buôn bán quốc tế của nước ta
D. 42,4 % tổng buôn bán quốc tế của nước ta

Câu 5.2. Dự án phát triển hành lang Đông – Tây tại lưu vực sông Mê Công gồm:

- A. Việt Nam, Lào, Mi-an-ma và Đông Bắc Thái Lan.

B. Việt Nam, Cam- pu- chia, Ma- lai- xi- a và Đông Bắc Thái Lan.

C. Việt Nam, Lào, Phi- lip- pin và Đông Bắc Thái Lan.

D. Việt Nam, Lào, Cam- pu- chia và Đông Bắc Thái Lan.

Câu 6.2. Mục tiêu chung của Hiệp hội các nước Đông Nam Á:

A. Cùng sử dụng lao động.

B. Cùng khai thác tài nguyên.

C. Hợp tác về giáo dục, đào tạo.

D. Giữ vững hoà bình, an ninh, ổn định khu vực.

Câu 2.1: Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm:

A. Đất liền và hải đảo, vùng biển

B. Vùng biển, vùng trời, đất liền

C. Vùng trời, đất liền và hải đảo

D. Đất liền và hải đảo, vùng biển, vùng trời

Câu 3.1: Công cuộc đổi mới của đất nước ta bắt đầu vào những năm:

A. 1945

B. 1975

C. 1986

D. 2000.

Câu 4.1: Nước nào sau đây của khu vực Đông Nam Á là lá cờ đầu trong đấu tranh giải phóng dân tộc chống thực dân Pháp, phát xít Nhật và đế quốc Mỹ.

A. Lào

B. Việt Nam

C. Campuc

D. Thái Lan

Câu 5.2: Việt Nam gắn liền với châu lục và đại dương nào?

A. Á và Thái Bình Dương

B. Á và Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương

C. Âu và Thái Bình Dương

D. Á –Âu và Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương

Câu 6.2: Việt Nam là một trong những quốc gia của Đông Nam Á tiêu biểu cho bản sắc thiên nhiên mang tính chất:

A. Xích đạo

B. Nhiệt đới khô

C. Nhiệt đới gió mùa ẩm

D. Cận nhiệt

Câu 1.1: Phần đất liền của Việt Nam kéo dài trên bao nhiêu vĩ tuyến?

A. 11

B. 13

C. 15

D. 17.

Câu 2.1: Lãnh thổ nước ta nằm trong múi giờ thứ mấy theo giờ GMT?

A. 6

B.

C. 7

D. 4

Câu 3.1: Phần đất liền nước ta nằm giữa các vĩ tuyến:

A. $8^{\circ}34'B - 23^{\circ}23'B$

B. $8^{\circ}30'N - 22^{\circ}22'B$

C. $8^{\circ}34'N - 22^{\circ}22'B$ D. $8^{\circ}30'B - 23^{\circ}23'B$

Câu 4.1: Phần đất liền nước ta chạy theo hướng Bắc - Nam Có chiều dài bao nhiêu

A. 1560 km

B. 1650 km

C. 1600 km

D. 1500 km

Câu 5.2: Theo thống kê năm 2006 diện tích tự nhiên là bao nhiêu?

A. 330.212 km²B. 320.414 km²C. 230.414 km²D. 331.212 km²

Câu 2.1: Diện tích của biển Đông là bao nhiêu?

A. 3.347.000 km².B. 3.447.000 km².C. 3.440.000 km².D. 4.347.000 km².

Câu 3.1: Độ muối bình quân của Biển Đông là?

A. 30 – 33‰

B. 33 – 35‰

C. 28 – 30‰

D. 35 – 38‰

Câu 5.2: Đặc điểm nào **không** là đặc điểm khí hậu của biển Đông:

A. Có hai mùa gió: Đông Bắc và Tây Nam

B. Nóng quanh năm

C. Biên độ nhiệt nhỏ, mưa ít hơn trong đất liền

D. Lượng mưa lớn hơn đất liền

Câu 1.1 Ở nước ta, vận động Tân kiến tạo (vận động Hi-ma-lay-a) diễn ra cách ngày nay khoảng

A. 25 triệu năm.

B. 35 triệu năm.

C. 45 triệu năm.

D. 55 triệu năm.

Câu 2.1 Giai đoạn Tiền cambri kết thúc cách đây

A. 470 triệu năm

B. 542 triệu năm

C. 670 triệu năm

D. 770 triệu năm

Câu 3.1 Giai đoạn hình thành nền móng ban đầu của lãnh thổ nước ta là

A. Trung sinh.

B. Cổ kiến tạo

C. Tiền Cambri.

D. Tân kiến tạo.

Câu 4.1 Các bể dầu khí ở thềm lục địa và ở đồng bằng châu thổ nước ta hình thành trong đại

A. Tiền sử.

B. Nguyên sinh.

C. Trung sinh.

D. Tân sinh.

Câu 1.1 Theo kết quả khảo sát, thăm dò của ngành địa chất Việt Nam, nước ta có khoảng bao nhiêu điểm quặng và tụ khoáng?

A. 3000

B. 4000

C. 5000

D. 6000

Câu 2.1 Phần lớn các khoáng sản của nước ta có trữ lượng

A. Vừa và nhỏ.

B. Lớn và vừa.

C. Rất lớn và lớn.

D. Vừa và rất nhỏ

Câu 5.1: Vùng núi đông bắc nổi bật với những cánh cung lớn theo thứ tự từ tây sang đông bao quanh khối nền cổ Việt Bắc là

A. Các cánh cung sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

B. Các cánh cung sông Gâm, Ngân Sơn, Đông Triều, Lục Nam

C. Các cánh cung sông Gâm, Bắc Sơn, Ngân Sơn.

D. Các cánh cung sông Gâm, Bắc Sơn, Đông Triều

Câu 6.2: Ý nghĩa của thêm lục địa có giá trị về nhiều

A. thủy sản

B. dầu mỏ

C. du lịch

D. giao thông

Câu 1.1: Nhiệt độ không khí nước ta tăng dần:

A. Từ Bắc vào Nam.

B. Từ Tây sang Đông

C. Từ thấp lên cao.

D. Từ miền ven biển vào miền núi.

Câu 2.1. Loại gió thịnh hành ở nước ta về mùa đông có hướng:

A. Tây Bắc.

B. Đông Bắc.

C. Đông Nam.

D. Tây Nam.

Câu 3.1 Lượng mưa trung bình của nước ta là:

A. 1.200 - 2.000 mm. .

B 1.300 - 2000mm.

C. 1400- 2000mm.

D. 1500 - 2000mm.

Câu 4.1. Nhiệt độ trung bình năm của không khí trên cả nước đều vượt:

- A. 19°C B. 20°C C. 21°C D. 22°C

Câu 5.2. Nhiệt độ không khí giảm dần từ Nam ra Bắc là do:

- A. Phía Bắc có mùa đông lạnh
B. Càng ra phía bắc càng xa xích đạo, ảnh hưởng của gió Đông Bắc càng lớn dần
C. Phía Nam nóng quanh năm.
D. Phía Bắc có nhiều núi và cao nguyên

Câu 1.1. Ở miền Bắc cuối mùa đông thường có:

- A. Mưa đông B. Mưa tuyết C. mưa phùn D. mưa ngâu

Câu 2.1. Mùa bão trên toàn quốc diễn ra từ tháng 6 đến tháng:

- A. 8 B. 9 C. 10 D. 11.

Câu 3.1: Loại gió thịnh hành trong mùa hạ có hướng:

- A. Tây Bắc B. Đông Bắc C. Đông nam D. Tây Nam

Câu 4.1: Đặc trưng của mùa đông là:

- A. Gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh mẽ. B. Gió Đông Nam thổi liên tục.
C. Mưa lớn kéo dài D. Rét trên cả nước

Câu 5.2. Khu vực chịu ảnh hưởng của gió tây khô nóng là:

- A. Miền Trung và Tây Bắc B. Tây Bắc và đồng bằng Bắc Bộ.
C. Miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. D. Tây Bắc và Tây Nguyên.

Câu 6.2: Nguyên nhân chủ yếu làm cho Việt Nam có 2 mùa khí hậu:

- A. Mùa đông lạnh, khô
B. Mùa hè nóng ẩm mưa nhiều
C. Địa hình đa dạng với nhiều hướng núi khác nhau.
D. Một năm có 2 mùa gió có hướng và tính chất trái ngược nhau

Câu 7.2 Không phải nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước sông:

- A. Rừng bị chặt phá nhiều.

- B. Chất thải sinh hoạt từ các khu dân cư đông đúc.
- C. Chất thải từ các nhà máy xí nghiệp.
- D. Trong sản xuất nông nghiệp đã sử dụng phân bón vi sinh.

Câu 8.3 Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn vì:

- A. Bình quân một m³ nước sông có 223 gam cát bùn và các chất khác.
- B. Tổng lượng phù sa trôi theo dòng nước chảy tới 200 triệu tấn/năm.
- C. Địa hình bị cắt xẻ mạnh và mưa nhiều, mưa theo mùa.
- D. Mưa nhiều.

Câu 9.3 Sông ngòi nước ta có chế độ nước thất thường.

- A. Chế độ mưa thất thường.
- B. Có năm lũ sớm, có năm lũ muộn.
- C. Có năm lũ nhiều, có năm lũ ít.
- D. Lượng nước mùa lũ chiếm 70-80% cả năm.

Câu 1: 1. Một loại đất được hình thành yếu tố quan trọng nhất là:

- A. Địa hình
- B. Thời gian
- C. Đá mẹ
- D. Tác động của con người

Câu 2: 1. Lớp vỏ phong hóa của thổ nhưỡng nước ta dày là do:

- A. Đá mẹ dễ phong hóa
- B. Nằm trong khu vực nhiệt đới
- C. Địa hình dốc
- D. Thời gian hình thành lâu

Câu 1.1: Trong các hệ sinh thái, hệ sinh thái ngày càng mở rộng là:

- A. Hệ sinh thái ngập mặn
- B. Hệ sinh thái nông nghiệp
- C. Hệ sinh thái tre nứa
- D. Hệ sinh thái nguyên sinh.

Câu 2.1: Rừng trồng cây lấy gỗ, cây công nghiệp thuộc hệ sinh thái nào?

- A. Hệ sinh thái nông nghiệp
- B. Hệ sinh thái tự nhiên
- C. Hệ sinh thái nguyên sinh
- D. Câu A và C đúng.

Câu 3.1: Dãy đất bãi bồi ven biển là môi trường sống thuận lợi cho hệ sinh thái:

- A. rừng thưa rụng lá B. rừng tre nứa
C. rừng ngập mặn D. rừng ôn đới.

Câu 4.1: Đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam:

- A. Nghèo nàn B. Tương đối nhiều
C. Nhiều loại D. Rất phong phú và đa dạng.

Câu 1.1: Tài nguyên sinh vật nước ta có giá trị to lớn về mặt nào?

- A. Kinh tế B. Văn hoá C. Du lịch D. Cả 3 giá trị trên.

Câu 2.1: Ngày nay, chất lượng rừng nước ta giảm sút, chủ yếu là do:

- A. Phá rừng làm nương rẫy B. Khai thác quá mức
C. Cháy rừng D. Chiến tranh

Câu 3.1: Hiện nay, nguồn lợi hải sản vùng ven biển nước ta đang bị giảm sút mạnh nguyên nhân chủ yếu là do:

- A. Khai thác gần bờ quá mức cho phép B. Dùng phương tiện có tính hủy diệt
C. Ô nhiễm biển D. Câu A và B đúng

PHẦN TỰ LUẬN

1/ Trình bày đặc điểm kinh tế các nước Đông Nam Á? Nhờ những điều kiện nào mà kinh tế các nước Đông Nam Á phát triển khá nhanh?

a. Đặc điểm kinh tế các nước Đông Nam Á

** Nền kinh tế của các nước Đông Nam Á phát triển khá nhanh, song chưa vững chắc.*

- Các nước Đông Nam Á có tốc độ phát triển kinh tế khá cao song chưa vững chắc, dễ bị tác động từ bên ngoài.

- Sản xuất và xuất khẩu nguyên liệu chiếm vị trí đáng kể.

- Việc bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức làm cho cảnh quan thiên nhiên bị phá hoại, đe dọa sự phát triển bền vững.

** Cơ cấu kinh tế đang có những thay đổi*

- Hiện nay đa số các nước đang tiến hành công nghiệp hoá bằng cách phát triển ngành công nghiệp sản xuất hàng hoá phục vụ trong nước và xuất khẩu.

- Cơ cấu kinh tế đang có sự thay đổi rõ rệt: Giảm tỉ trọng Nông nghiệp, tăng tỉ trọng của Công nghiệp và dịch vụ.
- Nông nghiệp: Trồng nhiều lúa gạo, cây công nghiệp nhiệt đới.
- Công nghiệp: Khai thác khoáng sản, luyện kim, chế tạo máy, hoá chất, thực phẩm.
- Các ngành sản xuất chủ yếu tập trung chủ yếu ở đồng bằng & ven biển.

b. Nguyên nhân dẫn đến kinh tế phát triển khá nhanh

- Nguồn nhân công trẻ, dồi dào (do dân số đông)
- Tài nguyên thiên nhiên phong phú (khoáng sản, rừng ...)
- Nhiều loại nông phẩm nhiệt đới (lúa, cà phê, cao su...)
- Tranh thủ được nhiều vốn đầu tư của nước ngoài.

2/ Trình bày những nét chính về vị trí, địa hình, khí hậu khu vực Đông Nam Á. Tại sao nói rằng biển Đông là một "ổ bão"?

- Đông Nam Á gồm phần đất liền và phần hải đảo, vị trí cắt ngang qua đường giao thông giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, thuộc khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa và khí hậu xích đạo, địa hình phần đất liền gồm các đồng bằng châu thổ màu mỡ phân bố ở ven biển, chiếm một phần nhỏ diện tích khu vực còn lại là các dãy núi và cao nguyên. Phần hải đảo có nguồn gốc hình thành chủ yếu từ núi lửa.

Biển Đông là một "ổ bão" vì:

- Biển đông là nơi gặp nhau của các Frông và dải hội tụ nhiệt đới.
- Biển Đông là một biển nông, tương đối kín, nằm trải rộng từ xích đạo tới chí tuyến bắc, là nơi gặp nhau của các luồng gió và các khối khí.

3/ Trình bày những nét chính dân cư và lao động. Đặc điểm nổi bật về kinh tế- xã hội khu vực Đông Nam Á.

- Là nơi dân cư đông đúc, tỷ lệ gia tăng tự nhiên cao (1,5%), gồm nhiều dân tộc thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-ít. Các nước trong khu vực vừa có những nét tương đồng về tự nhiên, phong tục tập quán và trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, lại vừa có sự đa dạng trong văn hóa từng dân tộc. Nền kinh tế phát triển khá nhanh song chưa vững chắc, chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Cơ cấu

kinh tế đang có những thay đổi theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, tỷ trọng nông nghiệp ngày càng giảm.

4/ Mục đích hợp tác của hiệp hội các nước Đông Nam Á đã thay đổi theo thời gian như thế nào? Bao gồm các quốc gia nào? Thời điểm các nước tham gia hiệp hội?

- Thành lập ngày 08-08-1967, đến nay có 11 nước tham gia, phát triển thay đổi theo thời gian
- 25 năm đầu Hiệp hội như một khối hợp tác về quân sự
- 1990 trở đi mục tiêu chung là hòa bình, cùng phát triển kinh tế - xã hội trên nguyên tắc tự nguyện, tôn trọng chủ quyền của mỗi quốc gia.
- Bao gồm các quốc gia - Thời điểm các nước tham gia hiệp hội:
 - + Năm 1967: Thái Lan, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin.
 - + Năm 1984: Bru-nây
 - + Năm 1995: Việt Nam.
 - + Năm 1997: Mi-an-ma, Lào.
 - + Năm 1999: Cam Pu Chia.
 - + Năm 2011: Đông Ti-mo.

5/ Vị trí, giới hạn của nước ta? Nêu rõ bốn đặc điểm của vị trí địa lí tự nhiên của Việt Nam:

- Cực Bắc: Tỉnh Hà Giang. Vĩ độ: $23^{\circ}23'N$ - Kinh độ: $105^{\circ}20'E$
- Cực Nam: Tỉnh Cà Mau. $8^{\circ}34'N$ - $104^{\circ}40'E$
- Cực Tây: Tỉnh Điện Biên. $22^{\circ}22'N$ - $102^{\circ}09'E$
- Cực Đông: Tỉnh Khánh Hòa. $12^{\circ}40'N$ - $109^{\circ}24'E$

*** Ý nghĩa của vị trí địa lí tự nhiên của Việt Nam:** Ảnh hưởng sâu sắc tới mọi đặc điểm của môi trường tự nhiên nước ta:

1. Vị trí nội chí tuyến.
2. Vị trí gần trung tâm khu vực Đông nam Á.
3. Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo.
4. Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật

6/ Thiên nhiên nước ta có những đặc điểm chung nào? Giải thích? Những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên đối với đời sống và phát triển kinh tế - xã hội ?

a. Việt Nam là 1 nước nhiệt đới gió mùa ẩm:

- Tính chất này biểu hiện trong mọi thành phần của cảnh quan tự nhiên, tập trung nhất là môi trường khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều.
- Tuy nhiên, có nơi có mùa lại khô hạn, lạnh giá với những mức độ khác nhau.

b. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển:

- Biển Đông rộng lớn bao bọc phía đông và đông nam phần đất liền nước ta, có ảnh hưởng tới toàn bộ thiên nhiên nước ta.
- Sự tương tác của đất liền và biển đã tăng cường tính chất nóng ẩm, gió mùa cho thiên nhiên nước ta.

c. Việt Nam là đất nước nhiều đồi núi;

- Cảnh quan đồi núi chiếm ưu thế trong cảnh quan chung của thiên nhiên nước ta.
- Cảnh quan đồi núi thay đổi theo đai cao

d. Thiên nhiên nước ta phân hoá đa dạng, phức tạp:

- Biểu hiện rõ trong lịch sử phát triển lâu dài của lãnh thổ và trong từng thành phần tự nhiên.
- Biểu hiện qua sự phân hoá cảnh quan thiên nhiên thành các vùng, miền.

* Thuận lợi và khó khăn do thiên nhiên mang lại:

- Thuận lợi: Tài nguyên thiên nhiên đa dạng là nguồn lực để phát triển kinh tế toàn diện (nông nghiệp, công nghiệp, du lịch; KT đất liền và KT biển..)
- Khó khăn: VN là vùng có nhiều thiên tai, môi trường sinh thái dễ bị biến đổi, mất cân bằng, nhiều tài nguyên có nguy cơ cạn kiệt.

7/ Eo biển nối liền giữa biển Đông với Ấn Độ Dương có tên là gì? Nước Việt Nam nằm ở khu vực nào của châu Á? trên bán đảo nào? phía nào của bán đảo đó?

- Eo biển Ma-lac-ca nối liền đường giao thông giữa biển Đông với Ấn Độ Dương. Nước Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Châu Á (Đông Nam Á), Việt Nam nằm ở phía đông của bán đảo Trung -Ấn (Nhỏ hơn bán đảo Trung Ấn là bán đảo Đông Dương gồm ba nước Việt nam- Lào- Campu Chia)

8/ Lịch sử phát triển tự nhiên Việt Nam trải qua mấy giai đoạn? Trình bày đặc điểm của mỗi giai đoạn?

Lịch sử phát triển tự nhiên VN trải qua 3 giai đoạn: Tiền Cambri, Cổ kiến tạo, Tân kiến tạo.

Các giai đoạn	Thời gian	Đặc điểm chính	Ảnh hưởng tới địa hình, khoáng sản, sinh vật.
1. Tiền Cam Bri	Cách đây 542 triệu năm	- Đại bộ phận lãnh thổ nước ta còn là biển. - Phần đất liền là những mảng nền cổ: Vòm Sông Chảy, Sông Mã, Kon Tum, Hoàng Liên Sơn ...	- Tạo lập nền móng sơ khai của lãnh thổ. - Sinh vật rất ít & đơn giản. - Khí quyển rất ít ôxi
2- Cổ kiến tạo	Cách đây 65 triệu năm	- Nhiều vận động tạo núi lớn làm thay đổi hình thể nước ta - Phần lớn lãnh thổ đã trở thành đất liền.	- Phát triển, mở rộng và ổn định lãnh thổ. - Một số dãy núi hình thành do các vận động tạo núi. - Tạo nhiều núi đá vôi và bể than đá lớn ở Miền Bắc và rải rác ở một số nơi. - Sinh vật phát triển mạnh mẽ. - Cuối giai đoạn, địa hình nước ta bị ngoại lực bào mòn, hạ thấp
3. Tân kiến tạo:	Cách đây 25 triệu năm	- Vận động tân kiến tạo (tạo núi Himalaya) diễn ra rất mãnh liệt.	- Nâng cao địa hình (Dãy Hoàng Liên Sơn) núi, sông ngòi trẻ lại. - Tạo thành các cao nguyên Bazan (Tây Nguyên) & đồng bằng phù sa trẻ (ĐB Sông Hồng, ĐB S. Cửu Long). - Mở rộng biển Đông và tạo các bể dầu khí ở

			thêm lục địa. - Giới sinh vật tiến hoá, phát triển phong phú hoàn thiện, loài người xuất hiện. => Tạo nên diện mạo hiện tại của lãnh thổ và còn đang tiếp diễn.
--	--	--	--

9/ Một số nguyên nhân làm cạn kiệt tài nguyên khoáng sản ở nước ta:

- Quản lí lỏng lẻo, tự do khai thác bừa bãi.
- Kỹ thuật khai thác, chế biến còn lạc hậu.
- Thăm dò đánh giá chưa chuẩn xác về trữ lượng, hàm lượng phân bố, đầu tư lãng phí.

10/ Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm vì:

- Gió mùa mang lại lượng mưa lớn, độ ẩm cao vào mùa hè (gió mùa Tây Nam)
- Hạ thấp nhiệt độ không khí vào mùa đông, thời tiết lạnh khô (gió mùa Đông Bắc)
- Lượng mưa lớn 1.500-2.000 mm/năm
- Độ ẩm không khí cao 80%

* Khí hậu nước ta có đặc điểm như vậy vì:

Gió mùa ĐB từ cao áp Xibia → Là gió từ lục địa tới nên lạnh, khô.

Gió mùa tây nam từ biển thổi vào nên ẩm, mang mưa lớn.

11/ Đặc điểm sông ngòi Việt Nam:

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc phân bố rộng khắp trên cả nước: Có nhiều sông, phần lớn sông ngắn, nhỏ và dốc.
- Sông ngòi nước ta chảy theo 2 hướng chính: TB – ĐN và Vòng cung
 - Sông ngòi có 2 mùa nước: Mùa lũ và mùa cạn
 - Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn.

Sông ngòi Bắc Bộ	Sông ngòi Trung Bộ	Sông ngòi Nam Bộ
- Sông dài, lưu vực lớn, hợp lưu của nhiều dòng chảy, có	- Nhiều sông, nhưng phần lớn là sông nhỏ, ngắn, dốc, phân thành	- Có nhiều sông và là những sông lớn. Sông ở

dạng nan quạt. - Hướng chung là tây bắc - đông nam, ngoài ra còn có hướng vòng cung. - Lũ tập trung nhanh và kéo dài. - Lũ vào mùa hạ từ tháng 6 đến tháng 10, đỉnh lũ vào tháng 8. - Hai hệ thống sông chính là sông Hồng và sông Thái Bình	nhiều lưu vực độc lập. - Hướng chung là tây bắc – đông nam, một số sông có hướng tây – đông. - Lũ lên nhanh đột ngột nhưng cũng rút nhanh. - Lũ vào mùa thu đông, từ tháng 9 đến tháng 12, đỉnh lũ vào tháng 11. - Các sông chính là sông Mã, sông Cả, sông thu Bồn, sông Đà Rằng	đây là phần hạ lưu các sông ngoài lãnh thổ hoặc các sông chảy hoàn toàn trong nội địa. - Sông có lượng nước lớn, lòng sông rộng, sâu, chịu ảnh hưởng của thủy triều. - Sông có nhiều hướng khác nhau: Tây bắc - đông nam, đông bắc – tây nam... - Lũ gần giống với sông ở Bắc Bộ, từ tháng 7 đến tháng 11, đỉnh lũ vào tháng 10. - Hai hệ thống sông chính là sông Cửu Long và sông Đồng Nai.
--	---	---

12/ Hãy nêu những giá trị của tài nguyên sinh vật và nguyên nhân của sự suy giảm nguồn tài nguyên sinh vật ở Việt Nam?

* Những giá trị của tài nguyên sinh vật đối với:

- + Kinh tế: - Cung cấp gỗ xây dựng, làm đồ dùng, nguyên liệu sản xuất
- Thực phẩm, lương thực, thuốc chữa bệnh. Bồi dưỡng sức khỏe...
- + Văn hóa – Du lịch:
 - Sinh vật cảnh, tham quan, du lịch. An dưỡng chữa bệnh.
 - Nghiên cứu khoa học.
 - Cảnh quan thiên nhiên, văn hóa đa dạng.
- + Môi trường sinh thái:
 - Điều hòa khí hậu, tăng lượng ôxy, làm sạch không khí.

- Giảm các loại ô nhiễm môi trường.
- Giảm nhẹ thiên tai.
- Ổn định độ phì của đất, có khả năng phục hồi và phát triển.

Tài nguyên sinh vật đang bị suy giảm, nguyên nhân: Do chiến tranh hủy diệt, cháy rừng, chặt phá, khai thác quá mức tái sinh của rừng...

13/ Sự khác nhau giữa ĐB Sông Hồng và ĐB Sông Cửu Long:

Đồng bằng Sông Hồng	ĐB Sông Cửu Long
<i>* Giống nhau:</i> Đều là những vùng sụt võng được phù sa bồi đắp	
<i>* Khác nhau:</i> - Dạng địa hình: giống tam giác cân. Đỉnh Việt Trì cao 15 m, đáy là bờ biển Hải Phòng- Ninh Bình - Diện tích: 15000 km² - Hệ thống đê dài lớn, vững chắc, thấp hơn mực nước sông ngoài đê, chia cắt đồng bằng thành nhiều ô trũng. - Đắp đê biển ngăn nước mặn mở diện tích canh tác.	- Dạng địa hình: Thấp ngập nước, độ cao TB 2-3m thường xuyên chịu ảnh hưởng của thủy triều. - Diện tích 40000 km² - Không có đê lớn. Sông chung với lũ, tăng cường thủy lợi, cải tạo đất trồng rừng, chọn giống cây trồng.

14/ Tài nguyên rừng của nước ta hiện nay ra sao? Nêu nguyên nhân, biện pháp khắc phục?

- Rừng còn ít, giảm về số và chất lượng, tỉ lệ che phủ thấp đạt 30 – 35 %.
- Cây gỗ quý đã cạn kiệt.
- Nguyên nhân: Khai thác quá mức, đốt rừng làm rẫy, cháy rừng, chiến tranh hủy diệt, quản lý yếu kém.
- Biện pháp khắc phục: trồng và bảo vệ rừng, khai thác hợp lý và thực hiện tốt luật tài nguyên rừng.

15/ Đặc điểm chung của sông ngòi nước ta? Những nguyên nhân nào làm cho nước sông bị ô nhiễm? Biện pháp khắc phục?

- * Đặc điểm chung của sông ngòi nước ta.

- a. Nước ta có một mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước.
- b. Sông ngòi chảy theo hai hướng chính là: TB - ĐN và vòng cung.
- c. Sông ngòi nước ta có 2 mùa nước: Mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt. Mùa lũ chiếm tới 70 – 80% lượng nước cả năm nên dễ gây ra lũ lụt.
- d. Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn.

* Những nguyên nhân làm cho nước sông bị ô nhiễm.

- Nước thải, rác thải và hoá chất độc hại từ các khu dân cư, các đô thị, các khu công nghiệp chưa qua xử lí.
- Đánh bắt thủy sản bằng hoá chất độc hại.

* Biện pháp khắc phục.

- Bảo vệ rừng đầu nguồn. Xử lí tốt các nguồn rác, chất thải, sinh hoạt và công nghiệp, dịch vụ...
- Cần phải tích cực chủ động chống lũ lụt, bảo vệ khai thác hợp lí các nguồn lợi từ sông ngòi...

16/ Hãy nêu một số thiên tai thường gặp ở vùng biển nước ta? một số vấn đề môi trường ở Biển Đông. Muốn khai thác lâu bền môi trường biển Việt Nam, chúng ta cần phải làm gì?

- Một số thiên tai thường xảy ra trên vùng biển nước ta: Mưa, bão, sóng lớn, triều cường ...
- Vấn đề ô nhiễm môi trường biển do khai thác khoáng sản, phát triển du lịch, suy giảm nguồn lợi hải sản do khai thác hải sản chưa hợp lí
- Muốn khai thác lâu bền môi trường biển Việt Nam chúng ta phải làm cho mọi người dân thêm yêu quý và hiểu được giá trị của biển, đồng thời ban hành luật cụ thể để ngăn chặn các hành động làm hủy hoại môi trường biển.

17/ Cho biết tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm được thể hiện trong các thành phần tự nhiên Việt Nam như thế nào?

Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm được thể hiện trong các thành phần tự nhiên Việt Nam:

- Địa hình: Đất đá bị phong hóa mạnh, hiện tượng xói mòn, cắt xẻ, xâm thực các khối núi diễn ra mạnh mẽ dạng địa hình cácxtơ rất phổ biến ở vùng núi đá vôi của nước ta.

- Khí hậu: Nhiệt độ trung bình năm của không khí trên cả nước cao trên 21⁰C, độ ẩm cao trên 80%, mưa nhiều từ 1500→2000mm/năm (Hà Nội 1676mm) các nơi đều có 2 mùa: Mùa mưa và mùa khô (ở miền bắc còn có mùa nóng và mùa lạnh); đều chịu ảnh hưởng của gió mùa hạ và gió mùa đông.
- Thủy văn: Mạng lưới sông ngòi dày đặc (2360 con sông dài trên 10 km) thủy chế của sông đều có hai mùa nước (mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt: Mùa lũ chiếm 70→80% lượng nước cả năm)
- Thổ nhưỡng: Đất **feralit** chiếm 65% diện tích, đất **mùn núi cao** 11%, đất **phù sa** 24% là hệ quả của tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm. Hiện tượng đá ong hóa trên các vùng đất đồi núi.
- Sinh vật: Rừng rậm nhiệt đới, cây cối quanh năm xanh tốt, phong phú về số loài động thực vật (14.600 loài thực vật, 11.200 loài động vật)

18/ Địa hình nước ta được chia thành mấy khu vực chính? Nêu vị trí, đặc điểm cơ bản của từng khu vực

- Địa hình nước ta chia thành 4 khu vực chính: Khu vực đồi núi, Khu vực đồng bằng, Bờ biển, Thềm lục địa.

a. Khu vực đồi núi

Vùng núi	Vùng núi Đông Bắc	Vùng núi Tây Bắc	Vùng núi Trường Sơn Bắc	Vùng núi Trường Sơn Nam
Vị trí	Nằm ở tả ngạn sông Hồng	Nằm giữa sông Hồng và sông Cả	Từ sông Cả tới dãy núi Bạch Mã	Từ nam dãy Bạch Mã tới Đông Nam Bộ
Đặc điểm	- Là vùng đồi núi thấp - Nổi bật với các dãy núi hình cánh cung - Địa hình cacxto khá phổ biến tạo nhiều cảnh đẹp và	- Hùng vĩ, đồ sộ nhất nước ta - Nhiều dải núi song song kéo dài hướng Tây bắc- Đông nam	- Là vùng núi thấp - Hai sườn không đối xứng, dốc hướng Tây bắc – Đông Nam - Có nhiều nhánh đâm ra biển	- Là vùng đồi núi, cao - Nguyên hung vĩ. - Các cao nguyên rộng phủ đất đỏ badan xếp

	hùng vĩ.			tầng hình cánh cung.
--	----------	--	--	-------------------------

19/ So sánh ba nhóm đất của nước ta về đặc tính, phân bố và giá trị sử dụng.

Tiêu chí	Đất mùn núi cao	Đất feralit	Đất phù sa
Đặc tính	- Chiếm 11% diện tích đất tự nhiên. - Tầng đất mỏng, chua	- Chiếm 65% diện tích đất tự nhiên. - Chua, nghèo mùn, nhiều sét, có màu đỏ vàng, dễ bị kết von hoặc biến thành đá ong.	- Chiếm 24% diện tích đất tự nhiên. - Đất tơi, xốp, ít chua, giàu mùn, rất phì nhiêu, dễ làm thủy lợi - Chia thành nhiều nhóm
Phân bố	- Trên vùng núi cao từ 700 đến 1700m. - Dưới các thảm rừng á nhiệt và ôn đới.	- Vùng đồi núi thấp dưới 700m	- Ở các đồng bằng lớn, nhỏ từ bắc đến nam.
Giá trị sử dụng	- Đất rừng đầu nguồn các con sông. - Phát triển các loại rừng á nhiệt và ôn đới	- Trồng rừng. - Đồng cỏ chăn nuôi. - Cây công nghiệp, đặc biệt là cây công nghiệp lâu năm.	- Trồng cây hàng năm: rau, quả, cây công nghiệp ngắn ngày, cây lương thực, đặc biệt là cây lúa

20/ Cho biết hậu quả của việc phá rừng. Nêu vai biện pháp để bảo vệ tài nguyên rừng.

a. Hậu quả của việc phá rừng.

- Đất đai bị xói mòn, rửa trôi, bạc màu.
- Nguồn nước ngầm cạn kiệt.
- Sông ngòi dễ bị khô kiệt, lũ lụt.

- Thời tiết, khí hậu thay đổi.
- Động vật không có nơi cư trú, dễ bị tuyệt chủng.
- Nguồn gen động vật, thực vật suy giảm.
- Thiếu gỗ, lâm sản cho sản xuất, không còn môi trường cho du lịch, nghỉ dưỡng.

b. Biện pháp

- Có quy định nghiêm ngặt cho việc khai thác rừng.
- Giao đất, giao rừng cho nông dân.
- Giáo dục người dân ý thức giữ rừng, bảo vệ rừng.
- Chấm dứt tình trạng đốt rừng làm rẫy, đầu tư phát triển kinh tế miền núi.
- Trồng mới 5 triệu hecta rừng trên đất trống đồi trọc.

21/ Lập bảng so sánh 3 miền tự nhiên Việt Nam

	Miền Bắc và ĐBB	Miền Tây Bắc và BTB	Miền NTB và Nam Bộ
Địa chất	- Miền nền cổ	- Miền địa máng	- Miền nền cổ
Địa hình	- Núi thấp hướng vòng cung là chủ yếu	- Núi cao, hướng Tây Bắc - Đông Nam là chủ yếu	- Núi và cao nguyên hình khối, nhiều hướng khác nhau
Khí hậu	- Lạnh nhất cả nước, mùa đông kéo dài. Mùa hè nóng ẩm mưa nhiều, có mưa ngâu.	- Mùa đông lạnh do núi cao và gió mùa đông bắc (mùa đông ngắn). Mùa hè với gió Tây khô nóng	- Nóng quanh năm. Lạnh do núi cao
Thủy văn	- Sông hồng, sông thái Bình, sông Kì Cùng ... Mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 10	- sông Đà, sông Mã, sông Cả ... Mùa lũ (Bắc trung Bộ) từ tháng 9 đến tháng 12	- sông Mê Công, sông Đồng Nai, sông vàm cỏ. Mùa lũ từ tháng 7 đến tháng 11, nhiều kênh rạch

Đất	- Đất Feralít đỏ vàng, đất đá vôi	- Có nhiều vành đai thổ nhưỡng	- Nhiều đất đỏ và đất phù sa
Sinh vật	- Rừng nhiệt đới và á nhiệt đới với nhiều loài ưa lạnh á nhiệt đới	- Sinh vật từ nhiệt đới tới ôn đới núi cao	- Sinh vật nhiệt đới phương Nam. Rừng ngập mặn phát triển
Bảo vệ môi trường	- Chống rét, hạn, bão, xói mòn đất, trồng cây gây rừng	- chống bão lũ, hạn hán, xói mòn đất, chống gió tây khô nóng, cháy rừng	- Chống bão, lũ, hạn hán, cháy rừng, chống mặn, phèn - Chung sống với lũ

Mời các bạn xem tiếp tài liệu tại: <https://vn doc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-8>